

CHƯƠNG 3: CHÚNG DANH

Luận nói: Nay đầu tiên nói về chỗ nương tựa của ứng tri, đặt tên là A-lại-da thức. Đức Thế Tôn ở đâu nói thức này, và nói thức này tên A-lại-da? Như Phật Thế Tôn trong A-tỳ-đạt-ma kệ tóm lược ý chính nói: Giới này từ vô thủy, tất cả pháp y chỉ, nếu có các cõi đạo và có đặc Niết-bàn.

Giải thích: Nay muốn dẫn A-hàm làm chứng cho Thế và tên của A-lại-da thức A-hàm. Là Đại thừa A-tỳ-đạt-ma, trong đó Phật Thế Tôn nói kệ. Giới này, là A-lại-da thức giới, lấy giải giải thích là tánh. Nên Giới này có năm nghĩa: 1. Nghĩa thể loại, là tất cả chúng sinh không ra ngoài thể loại này. Do thể loại này mà chúng sinh không khác nhau. 2. nghĩa nhân, là vì tất cả pháp của Thánh nhân như tứ niệm xứ... đều duyên giới này mà sinh. 3. Nghĩa sinh, là sở pháp thân sở đắc của Thánh nhân, là do tin ưa pháp môn của giới này mà được thành tựu. 4. Nghĩa chân thật, là tại thế gian thì không bị hoại, tại xuất thế gian thì bất tận. 5. Nghĩa tàng chứa nếu xứng với tự tánh thiện của pháp này thì trở thành trong pháp này. Nếu ngoài pháp này tuy tương ứng, thì trở thành lời chê trách. Cho nên căn cứ theo giới này, Phật Thế Tôn nói: Nay các Tỳ-kheo! Chúng sinh sơ cơ không thể liễu đạt, họ bị vô minh tham ái che kín trói buộc, hoặc lưu chuyển, hoặc tiếp xúc, có khi tại địa ngục, có khi tại súc sinh, có khi trong loài quỷ, có khi làm A-tu-la, có khi ở cõi người, có khi sanh cõi trời. Nay Tỳ-kheo! Các ông thọ khổ thời gian lâu dài như vậy, tăng thêm tham ái, thường bị máu chảy. Do đây làm chứng cho nên biết từ thời vô thủy, như Kinh nói: Bạch Thế Tôn! Thức giới này là y, là trì, là xứ, hằng tương ứng, và trí không tách rời nhau không xả bỏ, là công đức vô vi của chư Phật nhiều như số cát sông Hằng. Bạch Thế Tôn! Không phải trí tương ứng, ly tán và xả bỏ, vì các pháp hữu vi và y chỉ, giữ gìn và an trú. Nói “tất cả pháp y chỉ”, như trong Kinh nói: Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai tạng là có do không hiểu rõ, thì có thể nói sinh tử là có. Cho nên nói “nếu có, có các cõi”, như trong Kinh nói: Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai tạng là không có thì không có chán ghét khổ, không có ưa muốn Niết-bàn, cho nên nói “có đặc Niết-bàn”. Lại nữa, giới này từ vô thủy, tức là hiển thị nhân. Nếu không lập nhân thì có thể nói hữu thủy.

Tất cả pháp y chỉ, là do thức này làm nhân của tất cả pháp, cho nên nói tất cả pháp y chỉ. Nếu có thì có cõi và có đặc Niết-bàn, tức là chỗ u chỉ của tất cả pháp. Nếu có đạo các cõi thì có quả báo, cũng có

chúng sinh do quả báo nầy mà thọ sinh, sự chuyển dịch (chuyển y) có thể khiến cho hiểu hai thuyết tà chánh phân biệt khác nhau, sau cùng là đắc chánh hạnh thượng phẩm, xứng đáng được công đắc thù thắng. Do phiền não y chỉ cho nên sinh cực trọng phiền não và thường khởi phiền não, là bốn thứ sai biệt của quả báo gọi là y chỉ thù thắng (mạnh). Nếu ngược lại bốn thứ nầy thì gọi là y chỉ yếu. Trong sinh tử không chỉ cõi v.v... chẳng có mà nghĩa Niết-bàn cũng chẳng có. Tại sao vậy? Vì nếu có phiền não thì có giải thoát. Sự Y chỉ của ứng tri cũng có A-hàm, có thể làm chứng cho tên A-lại-da thức.

Luận nói: Trong A-tỳ-đạt-ma lại nói kệ:

*Các pháp nương tạng trụ,
Nhất thiết chủng tử thức,
Gọi là A-lại-da,
Ta vì thắng nhân nói.*

Giải thích: “Các pháp nương tạng trụ”, câu thứ hai, Nhất thiết chủng Tử thức giải thích câu thứ nhất là do nghiệp phiền não cho nên biến đổi, A-lại-da thức tương tục, quả báo trước, sau đó thành nhân. “Gọi là A-lại-da”, là hiển thị nghĩa để làm chứng cho danh và lấy danh làm đề mục cho thức. “Ta vì thắng nhân nói”, thắng nhân là chư Bồ-tát, là Cảnh giới nương tựa của Bồ-tát và có thể chướng ngại Bồ-tát đạo, cho nên Phật Thế Tôn nói cho Bồ-tát.

Luận nói: Hai bài kệ của A-hàm nầy chứng minh cho thể của thức và danh. Tại sao Phật nói thức nầy tên là A-lại-da?”

Giải thích: Lời nói nầy là muốn hiển thị nhân của sự lập danh.

Luận nói: Vì tất cả pháp trong cõi biến dịch bất tịnh, ẩn tàng trong đó làm quả.

Giải thích: Tất cả là chỉ cho ba đời. Trong ba đời, lấy chánh khi sinh có thể sinh pháp thuộc phẩm vị bất tịnh. Nói ngược với năm thứ phẩm tịnh thì gọi là phẩm bất tịnh.

Luận nói: Vì thức nầy ẩn tàng trong các pháp làm nhân.

Giải thích: Các pháp, là quả của A-lại-da thức, tức là các pháp thuộc phẩm bất tịnh, A-lại-da thức trụ ẩn trong quả nầy mà làm nhân.

Luận nói: Lại nữa, các chúng sinh ẩn tàng trong thức nầy do chấp tướng ngã, cho nên gọi là A-lại-da thức.

Giải thích: Tạng nghĩa là chấp giữ. Căn cứ theo A-đà-na thức và ý thức, thì nói tên là chúng sinh. Tại sao vậy? Vì tất cả chúng sinh không có Vô Ngã chấp. Nếu khởi chấp ngã thì duyên vào cảnh gì hay duyên bản thức mà khởi? Vì một loại tương tục vi tế không đoạn.

Luận nói: A-hàm nói rằng như trong Kinh Giải Tiết đã nói kệ:

*Chấp trì thức thâm tế,
Pháp chủng tử hằng lưu,
Phàm phu, ta không nói,
Kia chớ chấp làm ngã.*

Giải thích: Trước đã dẫn Kệ của A-tỳ-đạt-ma làm chứng, trong đây lại dẫn kệ của kinh để làm chứng. A-tỳ-đạt-ma lấy lý làm chính, Kinh thì lấy giáo làm chính. Giáo thì phải có lý, lý thì phải thuận giáo, hai thứ này gọi là chứng cứ. Nếu lia hai thứ chứng cứ này mà lập nghĩa thì không thành. Chứng này xuất từ kinh Tiết: Phật bảo Bồ-tát Quảng tuệ rằng: Nầy Quảng Tuệ! Trong lục đạo sinh tử, những chúng sinh đó, tùy tại tụ chúng sinh, hoặc thọ noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và Hóa sinh, trong đó được thân và thành tựu. Khi mới thọ sinh, Nhất thiết chủng thức trước hết thành thực với đại mà tăng trưởng viên mãn, nương vào hai chấp thủ, là thân hữu dựa vào sắc căn và tướng danh tập khí phân biệt về ngôn thuyết sai khác. Hoặc trong cõi Sắc có hai chấp thủ, hoặc trong cõi Vô sắc không có hai chấp thủ. Nầy Quảng Tuệ ! thức này hoặc gọi là A-đà-na. Tại sao vậy? Vì do Bản thức này có thể chấp trì thân, hoặc gọi là A-lại-da thức. Tại sao vậy? Vì Bản thức này đối với thân thường tàng ẩn đồng cùng thành hoại, hoặc gọi là Chất-đà. Tại sao vậy? Vì thức này là chỗ sinh trưởng của các trần sắc thanh hương vị xúc. Nầy Quảng Tuệ! Nương theo duyên bản thức này thì thức tự được sinh, là nhãn thức cho đến Ý thức nương vào thức hữu, nhãn căn duyên sắc trần bên ngoài thì nhãn thức được sinh, cùng với nhãn thức đồng thời chung cảnh, thì có ý thức phân biệt khởi. Nếu một nhãn thức sinh, thì lúc đó một ý thức phân biệt sinh, cùng với nhãn thức đồng cảnh. Nhãn thức này nếu chung với hai thức, hoặc ba, bốn, năm thức cùng khởi, thì lúc đó có một ý thức phân biệt cùng với năm thức duyên chung cảnh mà sinh, như sông lớn chảy, nhân có thể nổi sóng đến thì một lượn sóng dấy khởi. Nếu có hai hoặc nhiều nhân có thể nổi sóng đến thì có nhiều lượn sóng dấy khởi. Sông đó thường chảy không bỏ phế, không đứt đoạn. Lại nữa, trong mặt gương thanh tịnh tròn sáng, nếu có một nhân ảnh có thể khởi đến thì một ảnh khởi. Nếu có hai hay nhiều nhân ảnh có thể khởi đến thì nhiều ảnh khởi, mặt gương tròn đó không chuyển thành ảnh, cũng không bị tổn giảm, bản thức này cũng như nước chảy và mặt gương. Nương vào bản thức này, nếu có một nhãn thức duyên nhãn thức khởi đến thì một nhãn thức khởi, cho đến nếu có năm thức năm nhân của thức có thể khởi đến thì năm thức khởi. Nầy Quảng Tuệ!

Như vậy, Bồ-tát nương vào trí pháp như thật mà có thông tuệ, có thể thông đạt nghĩa bí mật của tâm ý và thức. Do nghĩa như vậy các Như Lai như lý, như lượng, không ghi nhận nói chư Bồ-tát có thể thông đạt nghĩa bí mật của tâm, ý, thức. Này Quảng Tuệ! Chư Bồ-tát do như thật không thấy bản thức và A-đà-na thức, bên trong bên ngoài, không thấy tạng trụ, không thấy Sinh và trưởng, không thấy thức, nhãn, sắc và nhãn thức, không thấy nhĩ, thanh và nhĩ thức, cho đến không thấy thân, xúc và thân thức. Này Quảng Tuệ! Chư Bồ-tát nương vào pháp như trí mà có thông tuệ, có thể thông đạt nghĩa bí mật của tâm, ý và thức. Các Đức Phật Như Lai, do nghĩa như vậy, ghi nhận nói Chư Bồ-tát có thể thông đạt nghĩa bí mật của tâm, ý và thức. Lại nữa, dẫn Kệ để giải thích lại nghĩa của Kinh dạy nói: Chấp trì thức thâm tế. Tại sao thức này hoặc gọi là A-đà-na thức? Vì có thể chấp trì tất cả hữu sắc các căn là năng bảo trì hữu y năm căn và tập khí của các tướng, cho nên thức này cũng gọi là A-đà-na. “Thâm tế”, là khó diệt trừ và khó hiểu. “Pháp chủng tử hằng lưu”, là chỗ nương trụ của tất cả phẩm bất tịnh pháp có thể sinh khởi và huân tập, như dòng nước, niệm niệm sinh diệt tương tục không gián đoạn. “Phàm phu ta không nói”, vì những người phàm phu không có hạnh thâm thâm, không cầu Nhất thiết trí, căn cơ chậm lụt, cho nên không nói cho họ và Nhị Thừa. “Kia chớ chấp làm ngã” là một tướng khởi thì tương tục sinh trưởng. Nếu chúng sinh nương vào kinh mà khởi tà phân biệt, tức là chấp thức này làm ngã. Vì sợ khởi tà chấp cho nên ta không nói cho họ.

Luận nói: Tại sao thức này hoặc nói là A-đà-na thức?

Giải thích: Trước đã dẫn chánh lý và chánh giáo, để chứng minh thức tên là A-lại-da. Tại sao bây giờ lại nói thức tên là A-đà-na ?

Luận nói: Có thể chấp trì tất cả các căn hữu sắc, vì tất cả thọ sinh lấy làm y chỉ. Tại sao vậy? Vì các căn hữu sắc là chỗ chấp thủ của thức này, không hoại không mất cho đến tương tục đến đời sau. Lại nữa, chính khi thọ sinh, có thể giữ lấy việc sinh, giữ gìn ấn. Cho nên thân trong bấu nẻo đều giữ gìn như thế, và sự, dụng của việc chấp giữ này đều thuộc thức này gìn giữ cho nên gọi là A-đà-na.

Giải thích: Nay là lập đạo lý để làm thành tên A-đà-na. Nguyên tắc, là có thể chấp trì tất cả các căn hữu sắc, do thức này chấp trì năm căn hữu sắc, không giống như thân của người chết đang vào lúc biến hoại, vị sinh đen hoại rã. Nếu đến lúc chết thì A-lại-da thức xả lìa năm căn, lúc đó các tướng sinh đen hoại rã liền khởi, cho nên quyết định biết do chỗ chấp trì của thức này trong một thời kỳ mà năm căn không bị rã

hoại. “Vì tất cả thọ sinh lấy làm y chỉ”, đây là câu nói lặp lại để đáp câu hỏi trước. Thức này, khi chúng sinh chính lúc thọ sinh thì có thể sinh khởi việc chấp thủ ấm giới. Đây là nắm lấy thể tánh chỗ chấp trì của thức. Do thức này là thức chánh thọ sinh, cho nên khi chính thọ sinh, tất cả sinh loại đều do thức này gồm thâu. Một thời kỳ thọ thân cũng là chỗ nhiếp của thức này. Vì chủng tử của thân trong A-lại-da thức có sẵn đầy đủ. Do nghĩa đó, cho nên A-lại-da thức cũng gọi là A-đà-na thức.

Luận nói: Hoặc gọi là tâm, như Phật Thế Tôn nói tâm, ý và thức.

Giải thích: A-lại-da thức và ý, thấy hai nghĩa này không đồng nghĩa với chữ tâm, cũng phải có khác nhau. tướng khác nhau của ba thứ này như thế nào ?

Luận nói: Ý có hai thứ, một là có thể cùng với kia sinh khởi sự nương tựa của thứ đệ duyên. Trước hết diệt thức làm ý, lại cũng lấy thức sinh y chỉ làm ý.

Giải thích: Nếu tâm trước diệt tâm sau sinh, vô gián có thể sinh tâm sau, gọi đây là ý. Lại có ý có thể làm y chỉ của chánh sinh thức, cùng với hiện thức không hại nhau. Hai thức này làm sinh duyên thức cho nên gọi là ý. Chánh sinh thì gọi là thức, tức là ý và thức khác nhau.

Luận nói: Hai là ý nhiễm ô, cùng với bốn phiền não hằng tương ứng.

Giải thích: Đây là muốn giải thích A-đà-na thức. Những gì là bốn phiền não ?

Luận nói: 1. Thân kiến. 2. Ngã mạn. 3. Ngã ái. 4. Phiền não.

Giải thích: Ngã kiến là tâm chấp ngã, tùy theo tâm này mà khởi ngã mạn. Ngã mạn là do chấp ngã mà khởi tâm cống cao, nhưng thật ra không có ngã khởi. Ngã tham gọi là ngã ái. Ba thứ hoặc này lấy chung vô minh làm nhân, là nhân quả chân thật. Tâm mê muội thì không hiểu, gọi là vô minh.

Luận nói: Thức này là chỗ nương tựa của các phiền não thuộc thức khác. Phiền não thuộc thức này do thức y chỉ thứ nhất sinh và do ý thứ hai nhiễm ô.

Giải thích: Thức nhiễm ô này do thức y chỉ thứ nhất sinh và do thức thứ hai làm nhiễm ô, thứ tự đã diệt rồi gọi là ý. Các thức còn lại muốn sinh thì có thể cùng sinh với y chỉ. thức thứ hai gọi là thức nhiễm ô, vì là chỗ y chỉ của phiền não. Nếu người chính đang lúc khởi thiện tâm thì cũng có thức này.

Luận nói: Do duyên trần và sự hay phân biệt thứ tự cho nên hai

thức này gọi là ý.

Giải thích: Vì có khả năng lãnh lấy trần cho nên gọi là thức, có thể cùng với thứ khác sinh cho nên gọi là ý. Thức thứ hai là ngã tướng, hoặc y chỉ với sự năng phân biệt cho nên gọi là ý.

Luận nói: Làm sao biết được có tâm nhiễm ô ?

Giải thích: Lấy đạo lý nào để thành lập nghĩa này ?

Luận nói: Nếu không có tâm vô minh độc hành này thì không thể nói có hiện hữu.

Giải thích: Tướng của vô minh độc hành như thế nào? Nếu người chưa đắc được đạo đối trị, thì mê lầm gây chướng ngại cho trí tuệ chân thật, gọi là vô minh độc hành. Vô minh này đối với năm thức là không có. Tại sao vậy? Như người đang tại năm thức mà không thể bị chướng. Tại sao vậy? Nếu là chỗ sinh của đạo đối trị, thì nơi chướng ngại đó đối với ý thức nhiễm ô ở đây cũng không có. Tại sao vậy? Chỉ vì tâm mê hoặc này xứng với sự nhiễm ô. Rồi cùng với các hoặc khác tương ứng đồng hành, nên tên độc hành không thành. Nếu ông nói thức thứ sáu do vô minh độc hành nhiễm ô, thì thức thứ sáu hoàn toàn không thanh tịnh, vì vô minh này không hề tạm thời ngơi nghỉ. Tại sao vậy? Các tâm bố thí... trở thành thiện, vì thức thứ sáu hằng cùng với vô minh tương ứng? Nếu có người nói tâm cùng với thiện tương ứng sinh, thì người này có lỗi. Nếu thức thứ sáu hằng bị nhiễm ô thì không được dẫn đến đạo đối trị sinh. Nếu ai nói tâm nhiễm ô tương ứng có riêng thiện tâm, thì thiện tâm này có thể dẫn sinh đạo đối trị. Do đó tâm nhiễm ô liền diệt mất. Nếu nói như vậy thì không có lỗi.

Luận nói: Cùng với năm thức tương tự thì pháp này đáng lẽ không có. Tại sao vậy? Năm thức này cùng một lúc có thứ tự nương tựa là các căn như: Nhãn...

Giải thích: Cũng như năm thức Nhãn và năm căn nhãn... cũng đồng thời làm y chỉ. Ý thức thì phải có đồng thời y chỉ, nếu không thì lập các thức khác cũng không có y chỉ này. Như nhãn thức không có y chỉ thì không được sinh. Ý thức cũng phải như thế.

Luận nói: Lại nữa, tên ý đáng lẽ không có nghĩa.

Giải thích: Tại sao không có nghĩa? Nếu lập tâm diệt trước làm ý, thì ý này chỉ có danh không có nghĩa. Tại sao vậy? Vì ý lấy sự hiểu biết làm nghĩa. Trong vô thức thì làm sao có thể lập được! thức đó tùy theo sáu thức trước đã diệt, thì ý này là bất khả đắc, không thể biết rõ được vì vô thể.

Luận nói: Lại nữa, định vô thức và định diệt tâm đáng lẽ khác

nhau. Tại sao vậy? Vì định Vô tướng là chỗ hiển thị của tâm có nhiễm ô. Định diệt tâm thì không như vậy. Nếu không như thế thì hai định này phải không khác nhau.

Giải thích: Nếu người lập tâm có nhiễm ô, người này đối với định Vô tướng thì nói là tâm nhiễm ô, đối với định Diệt tâm thì nói tâm không nhiễm ô. Đối với hai định của người này là có sai biệt, nếu không như vậy thì đối với hai định, ý thức không hiện hành, vì hai định không khác nhau.

Luận nói: Lại nữa, đối với trời Vô tướng, một thời hạn phải thành, không lưu chuyển, không mất, vì không có nhiễm ô, hoặc trong đó không có ngã kiến và ngã mạn. Lại nữa, trong mỗi lúc khởi ngã chấp khắp trong các tâm thiện ác và vô ký. Nếu không như vậy thì ác tâm tương ứng với ngã chấp. Mê lầm về ngã và ngã sở, được hiện hành, trong thiện và vô ký thì mê lầm đó không được hiện hành. Nếu lập hai tâm sinh cùng lúc thì không có lỗi này. Nếu lập cùng với thức thứ sáu tương ứng hiện hành thì có lỗi này.

Giải thích: Sinh lên trời Vô tướng nếu không có tâm nhiễm ô, trong một thời kỳ sinh thì không có ngã chấp và ngã mạn. Sự sinh này không bị lưu chuyển diệt mất. định này không phải là chỗ chán ghét của Thánh nhân, nhưng đã là chỗ chán ghét của Thánh nhân cho nên biết định này có thức nhiễm ô. Do chấp ngã hằng đeo đuổi,... các thiện như bố thí thường bị sự chấp ngã xen tạp và chấp ngã hằng đeo đuổi. Nếu lìa vô minh thì không có sự này. Vô minh này nếu lìa thì y chỉ không được có. Y chỉ của Vô minh này nếu lìa A-đà-na thức thì không có thể riêng biệt.

Luận nói:

*Không độc hành vô minh,
Và tương tự năm thức,
Hai định không sai biệt,
Tên ý không có nghĩa.
Vô Tướng, vô ngã chấp,
Một kỳ sinh không mất,
Trong thiện ác vô ký,
Chấp ngã không nên khởi.
Lìa tâm nhiễm, không có,
Hai và ba trái nhau,
Không có những xứ này
Chấp ngã không được sinh.*

*Chứng thấy nghĩa chân thật,
Chướng hoặc khiến không khởi,
Thường hiện hành mọi xứ,
Gọi độc hành vô minh.*

Luận nói: Vì tâm này nhiễm ô nên thuộc vào tánh vô ký.

Giải thích: Tâm này là chỗ nương tựa của vô minh. Trong ba tánh thì tâm này thuộc Tánh nào? Do nhiễm ô cho nên thuộc tánh hữu phú vô ký. Tại sao vậy? Vì có nhiễm ô. Thế nào là có nhiễm ô?

Luận nói: Thường tương ứng với bốn hoặc.

Giải thích: Không hiểu rõ cảnh vô ngã cho nên khởi chấp ngã. Do khởi chấp ngã mà khởi ngã ái và ngã mạn. Bốn hoặc này luôn khởi ở tất cả xứ.

Luận nói: Ví như hoặc của cõi Sắc và cõi Vô sắc là hữu phú vô ký, thì phiền não của hai cõi này là chỗ tàng của Xa-ma-tha.

Giải thích: Giới lấy tánh sinh làm nghĩa. Là dâm dục và đoạn thực dục, do sắc dục sinh cho nên gọi là sắc giới. Là Dục của hai giới dưới, do không có Sắc dục sinh cho nên gọi là cõi vô sắc. Hoặc của hai giới này tuy cùng với thô thứ sáu thức tương ứng, nhưng không mất tánh vô ký, vì do chỗ ẩn tàng của tám định. Nếu hoặc này tại tâm tán loạn của dục giới thì phải trở thành bất thiện, vì do y chỉ thô. Nếu cùng với thức thứ hai (bất thiện) tương ứng thì tuy không ở trong định, nhưng cũng không phải bất thiện, vì y chỉ rất vi tế. Nếu tại Sắc giới và cõi vô sắc, y chỉ tuy thô, là chỗ nhiếp của tám định, vì tâm nhu nhuyễn hoạt bát cho nên cũng không phải bất thiện. Vì có thể sinh sinh tử nên cũng không phải là thiện, cho nên thuộc tánh hữu phú vô ký. Chỗ khởi hoặc của thức thứ hai dấy khởi cũng như thế, vì y chỉ tế cho nên không phải bất thiện. Vì nhân của sinh tử cho nên cũng không phải là thiện.

Luận nói: Tâm này hằng sinh không bỏ phế.

Giải thích: Tâm nhiễm ô này trong ba tánh, tám định, định vô tưởng và trời vô tưởng, hằng sinh không bỏ phế.

Luận nói: Thức thứ hai của tâm, là A-lại-da thức không thể được.

Giải thích: Thức thứ hai duyên thức thứ nhất mà khởi chấp ngã, nếu là thức thứ nhất thì thức thứ hai này không được khởi, cho nên biết có thức thứ nhất hiện tại thành tựu thức thứ hai, vì để hiển thị thức thứ nhất.

Luận nói: Cho nên A-lại-da thức thành tựu làm ý. Nương vào đây, lấy làm chủng tử thì các thức khác được sinh.

Giải thích: Là thức thứ nhất thì không có riêng thức thể để làm

thức thứ hai. nhân và nhân của sinh khởi thức, Phật nói tên là tâm, tên này làm đề mục cho thức thứ hai. Phật nói tên là thức, thì tên này làm đề mục cho lục thức. Phật nói tên là ý, thì tên này làm đề mục cho thức thứ nhất. Tại sao vậy? Vì thức thứ hai và sinh khởi thức, nếu trước thức đã diệt và sau đó thức sắp muốn sinh, thì phải nương vào thức thứ nhất mà sinh và có thể sinh tự loại, gọi là ý căn.

Luận nói: Tại sao ý này lại nói là tâm? Vì chỗ tụ tập của nhiều thứ huân tập hạt giống.

Giải thích: Thức thứ nhất hoặc gọi là Chất-đa. Chất-đa có nghĩa gì? Là nghĩa chủng chủng và nghĩa tư trưởng. Chủng chủng, tự nó có mười Nghĩa: 1. Tăng thượng duyên. 2. Duyên duyên. 3. Giải tướng. 4. Cộng tác. 5. Nhiễm ô. 6. Nghiệp huân tập. 7. Nhân. 8. Quả. 9. Đạo. 10. Địa. Trong nghĩa này mỗi mỗi đều có nhiều loại nghĩa cho nên nói là chủng chủng.

Tư trưởng có ba nghĩa:

1. Do mười pháp này tụ tập, khiến cho tâm nối tiếp trụ lâu.
2. Tâm này có thể nhiếp trì chủng tử của tất cả pháp.
3. Là nơi chủng tử huân tập tư trưởng của các pháp.

Chủng Tử, là nhân của công năng sai biệt. Sở tư trưởng, là biến dị thành ba giới. Do nghĩa này, cho nên Phật nói thức thứ nhất cũng gọi là Chất-đa.

Luận nói: Tại sao đối với Thanh-văn Thừa không nói tâm tướng này, và nói tên A-lại-da, A-đa-na? Là chỗ nhiếp của cảnh giới vi tế.

Giải thích: Câu hỏi mỗi mỗi đều hỏi về danh và thể, câu đáp thì đáp chung cho hai câu hỏi. Thức này trong chỗ hiểu biết thì rất vi tế. Vì không phải sở duyên của nhị thừa. Thức cũng là cảnh giới, nếu người cầu Phật quả, thì cần phải thông đạt thức này. Thức này là chỗ nương ẩn của chín nghĩa về sự hiểu biết, cho nên gọi là sở nhiếp. Lại nữa, Bồ-tát có cảnh giới rất vi tế, nên thức này khó hiểu cho nên thuộc cảnh giới ẩn chứa vi tế.

Luận nói: Tại sao Thanh-văn không có vị trí cao để đạt được Nhất thiết trí?

Giải thích: Tại sao đối với Thanh-văn thừa không nói cảnh giới vi tế? Vì họ không khởi chánh cần để cầu biết cảnh giới của Như Lai, tu hành chỉ vì tự lợi. Hoặc chướng của họ do khổ trí, tập trí... Quán hành thô thiển đều có thể diệt trừ được.

Luận nói: Cho nên đối với Thanh-văn lìa thuyết này là do thành tựu trí, khiến cho bản nguyện viên mãn, cho nên không nói cho họ.

Giải thích: Chư Phật thấy Thanh-văn ít ham muốn biết đủ, cầu trừ chướng hoặc của tự mình. Chướng này nếu lìa trí này thì do trí khác có thể được trừ diệt. Bản nguyện được thành tựu, không vì giải thoát chướng cho người khác, không phát nguyện cầu pháp thân của Như Lai, tu hành đạo nhiệm mầu vi tế, cho nên không nói cho họ.

Luận nói: Các Bồ-tát phải có quả vị thù thắng để đạt được Nhất thiết trí, cho nên Phật nói cho họ.

Giải thích: Các Bồ-tát cầu diệt hoặc chướng trí chướng của mình và người khác, cho nên tu hành chánh cần. Do đó, Phật vì Chư Bồ-tát mà nói.

Luận nói: Tại sao lìa trí này mà đắc Vô thượng Bồ-đề, là không có chuyện như vậy?

Giải thích: Nếu lìa cảnh vi tế nhiệm mầu, mà tu mười loại thứ tự thì không được thành. Nếu lìa sự tu tâm này mà phiền não dễ trừ, pháp thân dễ đắc thì không có nghĩa như vậy.

Luận nói: Lại nữa, thức này đối với Thanh-văn thừa, do tên khác mà Như Lai đã từng thị.

Giải thích: Lại có đạo lý khác có thể tin thức này là có. Tại sao vậy? Vì đối với Thanh-văn thì nghĩa này do một tên gọi khác, nơi nơi đều thị hiện rõ.

Luận nói: Như Kinh Tăng Nhất A-Hàm nói: Đối với thế gian sự hỷ lạc của A-lại-da, sự yêu mến A-lại-da, tập khởi của A-lại-da, chấp vào A-lại-da, diệt của A-lại-da, Như Lai thuyết chánh pháp.

Giải thích: Câu thứ nhất lược nói căn bản. Ba câu sau thì căn cứ hiện tại, quá khứ và vị lai. Giải thích rộng thêm: Trước A-lại-da, là căn cứ đời hiện tại. Tập A-lại-da, là căn cứ đời quá khứ. Ái A-lại-da, là căn cứ theo đời vị lai.

Lại có giải thích khác: Hỷ, lạc A-lại-da, là đời hiện tại. Thế nào là đời hiện tại? Hỷ Lạc A-lại-da do chấp trước A-lại-da của đời quá khứ, do quá khứ và hiện tại niệm niệm huân tập A-lại-da, cho nên vị lai có ái A-lại-da. Lại nữa, hoặc là chấp bốn câu nghĩa này không khác nhau. Nếu không khác nhau thì tại sao có bốn câu? Như chỗ thuyết minh của Quyết định tạng Luận thì có hai thứ ái: Hữu ái và Vô hữu ái. Hữu ái tức là ái nhiễm trong ba cõi. Vô hữu ái là cắt đứt yêu mến ba cõi. Hỷ lạc, nếu người sinh tại cõi Dục, duyên đã đắc trần sinh ra hỷ duyên, chưa đắc trần thì sinh sự chấp trước lạc. Nếu người sinh tại cõi Sắc, chưa lìa Dục của Sắc giới, thì sinh ra tham trước Sắc giới và Sắc giới trần do đã đắc Sắc giới định, trong định sinh ra nhiễm, không ưa thích chỗ chưa

đắc định, trong đó chấp làm giải thoát cho nên gọi là nhiệm trước. Tập, nếu người sinh tại cõi vô sắc, chưa lìa muốn của cõi vô sắc, thì trước hết quán sát sai lầm của cõi Dục, mà muốn sinh vào cõi Sắc, sau đó quán sai lầm của cõi Sắc, xả bỏ muốn cõi Sắc, muốn sinh vào cõi vô sắc. Muốn này do chỗ thành của các định huân tập, cho nên gọi là Tập. Ba thứ này gọi là Hữu ái, nương vào thường kiến mà khởi. Ái, nếu người có nhiều hạnh ác, sợ thọ khổ báo, hoặc chấp đoạn kiến để mong không sinh trở lại, gọi đó là ái. Một thứ ái này tức là Vô hữu ái, nương vào đoạn kiến mà khởi. Hoặc căn cứ bốn đảo giải thích, hoặc căn cứ bốn ái để giải thích bốn câu này, tức là ẩm thực, y phục, trụ xứ, Hữu ái và Vô hữu ái. Hoặc muốn hiển thị sự biện giải của pháp biện để khiến cho đệ tử đắc nhân của pháp biện luận. Hoặc muốn sáng tỏ một nghĩa có nhiều tên, hoặc muốn khiến cho người căn thấp kém, nếu quên nghĩa này thì còn tên khác mà được nhớ lại. Hoặc muốn giúp cho người căn thấp kém, do lập lại tên nhiều lần mà được hiểu. Hoặc muốn cho đệ tử phương khác, nếu không hiểu một tên, thì do các tên còn lại mà được hiểu, cho nên nói bốn câu, tên thì khác, mà nghĩa thì đồng.

Luận nói: Thế Gian ưa nghe.

Giải thích: Là nương vào hai căn tín và trí.

Luận nói: Cho nên thuộc nhĩ.

Giải thích: Chỉ rõ lìa tâm tán loạn, tức là định căn.

Luận nói: Tác ý dục tri.

Giải thích: Là chỉ rõ khởi cung kính không phóng dật, tức là niệm căn.

Luận nói: Sinh khởi chánh căn.

Giải thích: Do đây mà khởi dũng mãnh, bỏ ác giữ thiện, tức là căn tinh tấn. Điều trong đây nói rõ ra tức là ba thứ tuệ. (Văn, tư, tu)

Luận nói: Mới được diệt tận A-lại-da.

Giải thích: Đây là thuyết minh đạo quả, tức là tận vô sinh trí.

Luận nói: Cho đến thọ hành Chánh pháp tương tự của Như Lai.

Giải thích: Như lời dạy mà làm, đó là thọ trì hành theo danh cú vị của Như Lai đã nói oan thì gọi chánh pháp. Đề những nghĩa của danh, cú, vị đặt ta gọi là pháp tương tự. Lại nữa, chánh pháp là chánh thuyết, pháp tương tự là chánh hạnh và chánh đắc. Lại nữa, chánh pháp lấy A-hàm làm thể, tương tự pháp lấy sở đắc làm thể.

Luận nói: Do Như Lai xuất thế là việc hiếm có. Pháp không thể nghĩ bàn hiển thị hiện trong thế gian. Như bản thức, đây là bốn thứ công đức của Như Lai xuất thế. Kinh do nghĩa riêng biệt, đối với Thanh-văn

Thừa thì thức này đã từng chỉ rõ.

Giải thích: Vì nghĩa khác có ba thứ:

1. Ý riêng khác, là Như Lai muốn nói công đức xuất thế của tự mình, không phải muốn hiển thị A-lại-da thức. Vì thức này cùng với công đức tương ứng, cho nên nói thức này.

2. Tên riêng khác: Như Lai chỉ nói tên gọi mà không nói nghĩa.

3. Nghĩa riêng khác: Vì thuộc cảnh giới vi tế, đối với Nhị thừa không thích nghi nói ra, vì chỉ do nghĩa tương ứng, nên nói tên mà không giải thích nghĩa.

